TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1201/2024/HC-PT
Ngày: 20-11-2024
V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất.*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Ông Phạm Văn Công

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 609/2024/TLPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3120/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Đinh Thị N, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2022);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Luật sư Lê Đức M, sinh năm 1965 - Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt);

+ Luật sư Bùi Quang T, sinh năm 1961 - Đoàn Luật sư thành phố H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Văn phòng luật sư Thach Law F, số F N, phường P, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

+ Ông Trần Công D – Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C (vắng mặt);

+ Ông Trương Đức T1 - Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện C (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B đường T, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phan Văn M1 - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Thành N1 - Chuyên viên C1 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Sơn C, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2024).

- *Người kháng cáo*: Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Trần Thị Hải Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/12/2019, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.045,1m^2 của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, thường trú khu dân cư số 6, huyện C để thực hiện Dự án hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cắm mốc Lô K. Diện tích đất thu hồi 1.045,1m^2 thuộc các thửa đất số 13, 14, 15 và 29, tờ bản đồ số 18 tại đường P, khu dân cư S, huyện C.

Ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, thường trú tại khu dân cư S, huyện C để thực hiện Dự án hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cắm mốc Lô K. Theo đó:

- Tại mục 1.2 phần 1 Điều 1: Đất không được bồi thường 1.045,1m^2 (90,8 m^2 đất có nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước sử dụng từ năm 1988 và 954,3m^2 là đất Nhà nước hộ dân đang sử dụng).

- Tại phần 2 Điều 1 về nhà vật kiến trúc:

+ Mục 2.1. Nhà thuộc sở hữu Nhà nước bà N đang sử dụng: Hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước 83.493.248 đồng. Diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất Nhà nước (cơi nới) 8,1m^2 không được bồi thường.

+ Mục 2.2. Nhà thuộc sở hữu Nhà nước ông C đang sử dụng: Hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước 40.947.185 đồng. Diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất Nhà nước (cơi nới) không được bồi thường.

- Tại phần 3 Điều 1 về hỗ trợ hoa màu, cây trái: 16.060.440 đồng.

- Tại phần 4 Điều 1 về hỗ trợ di dời: 3.240.000 đồng.

- Tại phần 5 Điều 1 về kinh phí hỗ trợ:

+ Mục 5.1 về hỗ trợ tiền thuê nhà 06 tháng: 9.000.000 đồng

+ Mục 5.2 hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà Nhà nước (90,8 m^2): Hỗ trợ đất 755.365.200 đồng, hỗ trợ nhà 287.425.584 đồng.

+ Mục 5.3 về hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở: Không.

Ngày 16/3/2020, bà N làm đơn khiếu nại Quyết định số 1745/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường:

- Yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích 1.045,1m^2

- Yêu cầu được bồi thường phần vật kiến trúc 8,1m^2

- Yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

- Yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Yêu cầu hỗ trợ di chuyển chỗ ở

- Yêu cầu hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Ngày 04/5/2020, đại diện theo ủy quyền của bà N rút đơn khiếu nại đối với Quyết định số 1745/QĐ-UBND về việc thu hồi đất. Ngày 05/5/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 509/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết khiếu nại của bà N đối với Quyết định số 1745/QĐ-UBND.

Ngày 26/5/2020, bà N rút nội dung khiếu nại yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường. Ngày 27/5/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 578/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết một phần nội dung khiếu nại của bà N đối với yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND.

Ngày 23/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý vụ án hành chính số 110/2020/TLST-HC theo đơn khởi kiện của bà N. Những vấn đề bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy phần diện tích đất không được bồi thường 1.045,1m^2 tại mục 1.2 phần 1 Điều 1 của Quyết định số 1791/QĐ-UBND.

- Buộc UBND huyện C bồi thường và hỗ trợ theo quy định pháp luật đối với diện tích đất 1.045,1m^2.

Ngày 26/8/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn khiếu nại của bà N.

Ngày 22/9/2020, bà N làm đơn khiếu nại Quyết định số 936/QĐ-UBND. Tại biên bản làm việc ngày 15/12/2020, đại diện theo ủy quyền của bà N xác định bà N khiếu nại những nội dung sau:

- Yêu cầu được bồi thường phần vật kiến trúc 8,1m^2

- Yêu cầu hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới.

- Yêu cầu hỗ trợ di chuyển chỗ ở

- Yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Ngày 02/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đã bác đơn khiếu nại của bà N.

Ngày 16/3/2022, Tòa án nhân dân (sau đây viết tắt là TAND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử vụ án hành chính thụ lý số 110/2020/TLST-HC đã bác đơn khởi kiện của bà N (Bản án số 23/2022/HC-ST). Bà N không đồng ý đã làm đơn kháng cáo.

Ngày 20/7/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 559/2023/QĐ-PT về việc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính với lý do người kháng cáo được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ngày 15/3/2022, bà N tiếp tục làm đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã thụ lý vụ án hành chính số 100/2022/HC-ST ngày 16/6/2022. Những vấn đề bà N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, cụ thể: Hủy nội dung phần bồi thường, hỗ trợ diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất Nhà nước (cơi nới) 8,1m^2 tại mục 2.1 phần 2 Điều 1 và hủy nội dung hỗ trợ, tái định cư hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại mục 5.3 phần 5 Điều 1.

- Hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Buộc UBND huyện C hỗ trợ phần diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng cơi nới trên đất Nhà nước (cụ thể: mái tôn, nền xi măng 8,1 m^2); hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới; hỗ trợ kinh phí di chuyển chỗ ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện xác định lại các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc thu hồi đất.

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường (trừ phần nhà thuộc sở hữu Nhà nước mà ông C đang sử dụng tại mục 2.2), cụ thể: Hủy phần diện tích đất không được bồi thường tại mục 1.2 phần 1 Điều 1; Hủy phần hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại mục 2.1 phần 2 Điều 1; hủy phần hỗ trợ hoa màu, cây trái tại mục 3; hủy phần hỗ trợ di dời tại mục 4 phần 4 Điều 1; hủy phần hỗ trợ thuê nhà tại mục 5.1 phần 5 Điều 1; hủy mục hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà Nhà nước tại mục 5.2 phần 5 Điều 1 của Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.

- Hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Buộc UBND huyện C thực hiện lại việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường đối với diện tích đất 1.045,1m^2 của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C theo quy định của pháp luật.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất bị thu hồi do gia đình khai phá từ năm 1984. Gia đình bà N ra C theo lời kêu gọi xây dựng Côn Đảo của Đảng và Nhà nước để tạo điều kiện sinh sống và việc làm ổn định, chính quyền địa phương đã giao cho gia đình căn nhà tại Khu nhà kho vật tư cũ (nay là Khu N). Gia đình bà N đã sữa chữa lại nhà và quản lý, sử dụng cho đến nay. Ngoài phần diện tích nhà đất được giao, gia đình bà N còn khai phá thêm diện tích 954,3m^2 đất để cải thiện cuộc sống, tăng gia sản xuất. Từ năm 1988 cho đến nay toàn bộ diện tích đất trên do gia đình bà N trực tiếp quản lý, sử dụng và không tranh chấp.

Diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất nhà nước (cơi nới): Mái tôn, nền xi măng 8,1m² (4,5m x 1,8m) không được bồi thường. Vật kiến trúc này gia đình xây dựng trước năm 1988 từ khi khai phá đất để phục vụ cho việc sinh hoạt. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì bà N đủ điều kiện bồi thường các vật kiến trúc này nhưng lại không được bồi thường.

Nhận thấy, hộ bà N không được hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Không được xem xét các chính sách hỗ trợ khi bị thu hồi đất gồm hỗ trợ kinh phí di chuyển chỗ ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm để ổn định đời sống theo các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Do đó, việc nhà nước thu hồi đất của bà N nhưng không xem xét hỗ trợ các khoản trên là không phù hợp với quy định pháp luật.

Trong các Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B đều xác định nhà, đất của bà N là đối tượng điều chỉnh tại mục 1/IV của Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ nên không được bồi thường về đất, về tài sản trên đất và không được bố trí tái định cư.

Trong hồ sơ địa chính đang được lưu giữ tại UBND huyện C và tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện UBND huyện C không tiến hành thủ tục quản lý và thực tế Nhà nước không quản lý đối với các thửa đất số 13, 14, 15 và 29, tờ bản đồ số 18.

Các thửa đất này không được UBND huyện C thống kê đăng ký vào danh mục nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, không ký Hợp đồng thuê nhà đối với người sử dụng nhà. Các tình tiết, sự kiện về nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất nêu trên đã được khẳng định trong Kết luận số 114/KL-TTr.NV5 ngày 06/7/2017 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Kết luận số 10142/KL-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh B.

Do Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND tỉnh B và Bản án số 23/2022/HC-ST không xem xét các quy định của pháp luật hướng dẫn thi hành Quyết định số 111/CP nên đã có những quyết định trái pháp luật. Đề nghị TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu căn cứ Điều 41 Pháp lệnh số 51-LCT/HĐNN8 ngày 06/4/1991 về nhà ở, Điều 1, 9 Quyết định số 297/QĐ-CT ngày 02/10/1991 của Chủ tịch HĐBT về việc giải quyết một số vấn đề về nhà ở, trong đó Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977; điểm 1 và 4 Phần 1 của Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05/10/1991 của Bộ X hướng dẫn thi hành Quyết định 297/CP ngày 02/10/1991 để giải quyết vụ án.

Kiến nghị TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xem xét hành vi ban hành quyết định trái pháp luật, hành vi cưỡng chế phá dỡ nhà trái pháp luật để xử lý theo quy định.

Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N như đã nêu ở trên.

Ý kiến của UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C

- Về nguồn gốc nhà đất khu vật tư cũ (lô K) và nguồn gốc nhà, đất do bà Đinh Thị N sử dụng tại Khu vật tư cũ (lô K).

Theo Kết luận Thanh tra số 114/KL.TTr.NV5 ngày 06/7/2017 của Thanh tra tỉnh và Kết luận số 10142/KL-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh B ghi nhận nguồn gốc nhà, đất tại khu vật tư cũ (lô K), như sau: *"Nguồn gốc dãy nhà, đất tại Khu vật tư cũ là dãy nhà do chính quyền chế độ cũ xây dựng nhằm phục vụ cho hệ thống nhà tù cai trị tại C trước năm 1975 (hiện nay không có hồ sơ lưu trữ thể hiện sự quản lý đối với khu nhà này), nhưng trên thực tế sau giải phóng ngày 30/4/1975, UBND quận C trực thuộc Đặc khu V - C (1979 - 1991) tiếp quản và giao cho T2 cung cấp vật tư cũ sử dụng dãy nhà làm Trạm cung cấp vật tư (thường gọi là Khu vật tư); đến khoảng giữa năm 1988, T2 cung cấp vật tư giải thể". "Sau khi giải thể Trạm cung cấp vật tư, UBND huyện C tạm thời phân giao cho 03 (ba) hộ gia đình cán bộ, công chức và 01 tổ chức sử dụng (gồm hộ ông Phan Hoàng O, ông Võ Hoàng P, ông Nguyễn Văn M2 và Trạm Lương thực huyện C). Thời gian sau này, các hộ gia đình, cá nhân từ đất liền ra C sinh sống, tự ý lấn, chiếm, sửa chữa, sử dụng dãy nhà để ở, một số hộ gia đình chuyển đi thì để lại cho hộ khác sử dụng. Đối với khu đất bao quanh dãy nhà Khu vật tư là khu*

đất trống, sau khi các hộ gia đình, cá nhân đến ở tại Khu vật tư và tự ý lấn, chiếm sử dụng".

"Căn cứ quy định tại Mục IV Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc ban hành chính sách quản lý và cải tạo Xã hội Chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị của các tỉnh phía Nam: "1. Mọi loại nhà cửa, đất đai trước ngày Giải phóng do chính quyền Mỹ ngụy quản lý hoặc dành cho những tổ chức hay cá nhân, thuộc ngụy quân ngụy quyền và các tổ chức đảng phái phản động sử dụng, nay đều là tài sản công cộng, do Nhà nước trực tiếp quản lý ***thì nhà, đất tại Khu vật tư cũ là thuộc sở hữu Nhà nước****".*

Do đó, nguồn gốc nhà, đất bà N sử dụng tại Khu vật tư cũ (lô K) - Khu dân cư số 6 là thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có quyết định hóa giá của cơ quan có thẩm quyền.

- Về điều kiện bồi thường đất: Nguồn gốc nhà, đất do bà N sử dụng tại Khu vật tư cũ (lô K) - Khu dân cư số 6 là thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có quyết định hóa giá của cơ quan có thẩm quyền, do đó, không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 và điểm h khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013.

- Về yêu cầu bồi thường vật kiến trúc là mái tôn, nền xi măng 8,1m²: Vật kiến trúc là mái tôn, nền xi măng 8,1m² xây dựng cơi nới trên đất Nhà nước. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thì không có cơ sở để bồi thường.

- Về điều kiện hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới khi thu hồi đất.

Diện tích bà N sử dụng bị thu hồi bao gồm phần diện tích nhà, đất 48,5m² (có nguồn gốc là thuộc dãy nhà, đất thuộc khu vật tư cũ (Lô K), thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có quyết định hóa giá của cơ quan chức năng có thẩm quyền) và phần diện tích 954,3m² do gia đình bà N lấn chiếm, cơi nới sử dụng thêm.

Căn cứ điểm h, khoản 1 Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 19 và khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì phần diện tích nhà và đất nêu trên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không đủ điều kiện để bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, gia đình bà N (chồng là ông Nguyễn Văn T3) đã được UBND huyện C giao 300m² đất ở theo Thông báo số 148/TB.UB ngày 25/10/1996.

Từ các căn cứ nêu trên, thì hộ bà N không đủ điều kiện được tái định cư hoặc giao đất ở mới.

- Về yêu cầu hỗ trợ kinh phí di chuyển chỗ ở: Căn nhà gia đình bà N đang sử dụng là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Căn cứ Điều 23 Nghị định số

47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 27 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh thì hộ bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ kinh phí di chuyển chỗ ở.

- Về yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: Phần diện tích bà N sử dụng bị thu hồi bao gồm phần diện tích nhà, đất 48,5m² và phần diện tích 954,3m² do gia đình bà N lấn chiếm, cơi nới sử dụng, không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Căn cứ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh B:

- Về nguồn gốc đất: Qua hồ sơ, tài liệu Tổ xác minh Thanh tra tỉnh thu thập được thì phần diện tích 1.045,1m^2 đất mà bà N cùng con trai là ông Nguyễn Sơn C đang sử dụng bị thu hồi bao gồm:

+ Phần diện tích 90,8m^2 đất có 02 căn nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, thuộc thửa số 14 (diện tích 48,5m^2), tờ bản đồ số 18 do bà N, là mẹ của ông C sử dụng) và thửa số 15 (diện tích 42,3m^2), tờ bản đồ số 18, do ông C sử dụng;

+ Phần diện tích 954,3m^2 đất thuộc thửa 13, 29, tờ bản đồ 18 do gia đình cơi nới sử dụng thêm, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất cũng như không có văn bản cho phép sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về hồ sơ địa chính (Sổ mục kê và Bản đồ địa chính năm 1995):

+ Thửa số 14 và 15, tờ bản đồ số 18: Thuộc thửa số 93, tờ bản đồ số 03, diện tích 93m^2, đất thổ cư do ông Nguyễn Văn T3 sử dụng;

+ Thửa số 13, tờ bản đồ số 18: Thuộc một phần thửa số 96, tờ bản đồ số 03, diện tích 282.440m^2, đất chưa sử dụng (đất trống);

+ Thửa số 29, tờ bản đồ số 18: Thuộc một phần thửa số 96, tờ bản đồ số 03, diện tích 282.440m^2, đất chưa sử dụng (đất trống) và một phần thửa số 95, tờ bản đồ số 03, diện tích 7.653m^2, đất chuyên dùng, chủ sử dụng đất Trường Võ Thị S.

- Về nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường vật kiến trúc là mái tôn, nền xi măng 8,1m^2; yêu cầu hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới; yêu cầu hỗ trợ kinh phí di chuyển chỗ ở, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm thì Chủ tịch UBND tỉnh B thống nhất với ý kiến của UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C.

- Về nội dung khiếu nại yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà: Tại buổi làm việc với Tổ xác minh Thanh tra Tỉnh ngày 15/12/2020 thì người được bà N ủy quyền xin

rút lại yêu cầu hỗ trợ tiền thuê nhà. Căn cứ quy định tại Điều 10 Luật Khiếu nại năm 2011 thì nội dung khiếu nại này được đình chỉ giải quyết.

Qua xem xét, Chủ tịch UBND tỉnh nhận thấy nội dung đơn khởi kiện của bà N không có tình tiết mới phát sinh làm thay đổi bản chất vụ việc, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2024/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N về việc:

- Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C.

- Hủy phần diện tích đất không được bồi thường tại mục 1.2 phần 1 Điều 1; hủy phần hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước tại mục 2.1 phần 2 Điều 1; hủy phần hỗ trợ hoa màu cây trái tại mục 3 phần 3 Điều 1; hủy phần hỗ trợ di dời tại mục 4 phần 4 Điều 1; hủy phần hỗ trợ thuê nhà tại mục 5.1 phần 5 Điều 1; hủy mục hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà Nhà nước tại mục 5.2 phần 5 Điều 1 của Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N về việc:

- Hủy phần bồi thường, hỗ trợ diện tích nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất Nhà nước (cơi nới) tại mục 2.1 phần 2 Điều 1 và hủy nội dung hỗ trợ, tái định cư hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại mục 5.3 phần 5 Điều 1 Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C.

- Hủy quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của bà Đinh Thị N.

- Hủy quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai của bà Đinh Thị N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Đinh Thị N đối với diện tích 1.045,1m^2 đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Trần Thị Hải Y có đơn kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Luật sư Lê Đức M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Toà án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ của hộ gia đình bà Đinh Thị N trong Dự án hệ thống kỹ thuật hạ tầng, san lấp mặt bằng, cắm mốc, phân lô; không xem xét, đánh giá tính hợp pháp Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C dù người khởi kiện đã đề nghị tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là không thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 191 Luật Tố tụng hành chính khi giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét đến quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 297/CP ngày 02/10/1991 của Hội đồng Bộ trưởng; điểm 1, điểm 4 phần I Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05/10/1991 của Bộ X; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất. Ngoài ra, trong hồ sơ chỉ có Quyết định số 297/CP ngày 02/10/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, không có Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05/10/1991.

Trong văn bản ý kiến (bút lục số 242, 243) tại phiên toà ngày 29/3/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tạm dừng phiên toà để cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nhằm hoàn thiện hồ sơ về Dự án phân lô, bán nền, xây dựng kỹ thuật hạ tầng nhưng hoàn toàn không được xem xét. Vì vậy, đây là lỗi vi phạm thủ tục tố tụng khi không thu thập được tài liệu, chứng cứ liên quan trong vụ án.

Dự án thực hiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng, san lấp mặt bằng, phân lô, cắm mốc không thuộc trường hợp bị Nhà nước thu hồi đất. Theo khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án do Nhà nước thu hồi đất vì mục đích kinh tế - xã hội phải được sự chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, Quyết định số 1745/QĐ-UBND và Quyết định số 1791/QĐ-UBND đều không có Nghị quyết chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh. Mặt khác, nếu dự án này không có văn bản chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh thì UBND cấp huyện không được phép ban hành quyết định thu hồi đất. UBND cấp huyện được quyền thu hồi đất khi thuộc những trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, việc UBND cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền. Toà án cấp sơ thẩm đã đưa ra nhận định không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Đối với quyền của người sử dụng đất, theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 297/CP; điểm 1, điểm 4 phần I Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT; Điều 101, khoản 2 Điều 138 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và UBND huyện C đã quy chụp sai quyền của người sử dụng đất theo Quyết định số 111/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xem xét nhà, đất thuộc chế độ cũ. Đối với phần diện tích nhà, đất của bà Đinh Thị N và ông Sơn C thể hiện: Ông Nguyễn Văn T3 (chồng bà N) đã đăng ký kê khai, có tên

trong sổ mục kê và trên bản đồ; UBND huyện C không đưa vào danh mục Nhà nước quản lý; Không ký hợp đồng với người cho thuê. Trên thực tế, UBND huyện C không quản lý phần diện tích đất này. Căn cứ theo Điều 41 Pháp lệnh số 51-LCT/HĐNN8 ngày 06/4/1991 về nhà ở; Điều 1 Quyết định số 297 ngày 02/10/1991 của Hội đồng Bộ trưởng giải quyết một số vấn đề về nhà ở, trong đó Quyết định số 111/QĐ-TTg ngày 14/4/1977, Thông tư số 383/TT-BXD-ĐT ngày 05/10/1991 của Bộ X hướng dẫn về thi hành Quyết định số 297 thì bà Đinh Thị N đã ở đây từ năm 1987 nên đủ điều kiện để được công nhận quyền sở hữu.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị N, tuyên huỷ bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện C là ông Trương Đức T1 và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh B là ông Nguyễn Thành N1 thống nhất trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Các thửa đất số 14, 15 được xác định là đất thuộc khu dân cư cũ do Nhà nước quản lý. Bà N trình bày đã sinh sống tại khu dân cư này từ năm 1987, tuy nhiên không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện cơ quan có thẩm quyền đã giao nhà và đến nay, bà N chưa có quyết định hoá giá nhà của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không thuộc đối tượng được bồi thường đất đối với các thửa đất số 14, 15.

Trong quá trình sinh sống trên đất này, bà N đã cải tạo, sửa chữa lại căn nhà. Căn cứ Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước thì UBND huyện C đã hỗ trợ chi phí sửa chữa, nâng cấp nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho bà N và hỗ trợ số tiền lo chỗ ở cho bà. Vì vậy, UBND không hỗ trợ đối với phần diện tích đất được cơi nới trái phép là có căn cứ pháp luật. Đối với thửa đất số 13 và 59, bà N trình bày do vợ chồng bà khai phá thêm để cải thiện cuộc sống từ năm 1987. Theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư, thửa đất số 13 là do bà N lấn chiếm từ năm 1997, thửa đất số 59 là do lấn chiếm từ năm 1998. Theo xác định của UBND huyện C thì bà N là giáo viên đã nghỉ hưu, không phải là người trực tiếp sản xuất trong nông nghiệp. Do đó, căn cứ Điều 75, 76; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, UBND huyện C không bồi thường cho bà N đối với diện tích 1045.1 m^2 thuộc thửa đất số 13, 14, 15, 29 là có căn cứ.

Trong đơn kháng cáo, người khởi kiện Đinh Thị N cho rằng đối với phần diện tích đất thuộc thửa đất số 14, 15 là do chính quyền địa phương giao nhà khi được kêu gọi xây dựng huyện C, tuy nhiên bà N không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung này. Phần diện tích đất 945.3 m^2 do bà N khai phá từ năm 1997 để tăng gia sản xuất có nguồn gốc là đất thuộc UBND huyện C. Do đó, bà N không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà N không phải là người trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp nên không áp dụng chính sách hỗ trợ, bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu huỷ các Quyết định số 1745/QĐ-UBND và Quyết định số 1791/QĐ-UBND. Vì vậy, UBND huyện C ban hành các Quyết định số 936/QĐ-UBND và Quyết định số 894/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Đinh Thị N là có căn cứ. Từ những cơ sở nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Đinh Thị N và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Đinh Thị N, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Đinh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Sơn C vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của bà N và ông C là bà Trần Thị Hải Y cũng như người bị kiện là UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C, Chủ tịch UBND tỉnh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C (con bà N); Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện

vụ án hành chính. Bà N khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1791/QĐ-UBND, hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND và Quyết định số 894/QĐ-UBND, buộc UBND huyện C bồi thường bổ sung phần tài sản cơi nới, hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới và các khoản hỗ trợ khác là còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 và khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 13/01/2023, bà Đinh Thị N khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND nêu trên đã hết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử vẫn xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính này vì có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà N mà không phụ thuộc vào việc quyết định này còn hay hết thời hiệu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ là không đúng nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đối với phần này.

Đối với yêu cầu khởi kiện: "Buộc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện nhiệm vụ, công vụ thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho bà Đinh Thị N đối với diện tích 1.045,1m^2 đất theo quy định của pháp luật" không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính mà chỉ là hệ quả của việc xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định bị khởi kiện

Thực hiện chủ trương đầu tư xây dựng công trình Khu vật tư cũ (lô K) theo Nghị quyết số 34/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh B và các quyết định của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện C các năm 2015 -2018 (trong đó có diện tích đất thu hồi thuộc dự án lô K); ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 413/TB-UBND thu hồi đất tổng thể thực hiện Dự án xây dựng hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng phân lô cắm mốc lô K.

Ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND thu hồi 1.045,1m^2 đất thuộc các thửa đất số 13, 14, 15, 29 tờ bản đồ số 18 tại đường P của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, thường trú: Khu dân cư S, huyện C để thực hiện Dự án hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cắm mốc Lô K là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định quy định tại các Điều 62, 63, 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

Sau khi tiến hành xác minh, kiểm đếm, ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ

và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các Điều 69, 74, 75 Luật Đất đai năm 2013.

Không đồng ý với Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, bà Đinh Thị N khiếu nại. Ngày 26/8/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và ngày 02/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà N là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Xét yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1745/QĐ-UBND

Dự án xây dựng hệ thống kỹ thuật hạ tầng và san lấp mặt bằng, phân lô cắm mốc lô K là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận và phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 thu hồi 1.045,1m^2 đất của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C là đúng quy định.

Bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1745/QĐ-UBND nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất:

- Đối với yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích 1.045,1m^2:

Ngày 31/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C. Ngày 16/3/2020, bà N khiếu nại Quyết định số 1791/QĐ-UBND với các nội dung trong đó có yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất diện tích 1.045,1m^2. Ngày 26/5/2020, bà N rút nội dung khiếu nại yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất để khởi kiện tại Tòa án. Yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ về đất của bà N đã được giải quyết tại Bản án hành chính số 23/2022/HC-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã có hiệu lực pháp luật).

Như vậy, yêu cầu khởi kiện hủy phần diện tích đất không được bồi thường 1.045,1m^2 tại mục 1.2 phần 1 Điều 1 Quyết định số 1791/QĐ-UBND (thực chất là yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi thu hồi) đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét

xử đối với yêu cầu khởi kiện này của bà N là đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

- Đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy một số phần của Quyết định số 1791/QĐ-UBND gồm: Phần hỗ trợ hoa màu cây trái tại mục 3 phần 3 Điều 1; hủy phần hỗ trợ thuê nhà tại mục 5.1 phần 5 Điều 1; phần hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà Nhà nước tại mục 5.2 phần 5 Điều 1. Xét thấy, những nội dung này từ khi nhận được Quyết định số 1791/QĐ-UBND đến nay, bà N không khiếu nại, khởi kiện. Ngày 13/01/2023, bà N mới khởi kiện bổ sung là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung này của bà N là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

- Đối với yêu cầu bồi thường vật kiến trúc là mái tôn, nền xi măng 8,1m^2:

Theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện C về việc thu hồi 1.045,1m^2 đất của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C thuộc 04 thửa đất: Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 174,4 m^2; thửa đất số 14, tờ bản đồ số 18, diện tích 48,5 m^2; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 18, diện tích 42,3 m^2; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 18, diện tích 779,9 m^2. Đất thuộc sở hữu Nhà nước có nguồn gốc thuộc dãy nhà, đất khu vật tư cũ (lô K); thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có quyết định hóa giá của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định điều kiện bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước như sau: "Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích cơi nới trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; mức bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định."

Tại Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, UBND huyện C đã bồi thường chi phí cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước đối với phần nhà thuộc sở hữu Nhà nước mà bà N, ông C sử dụng từ năm 1988 và không bồi thường vật kiến trúc là mái tôn, nền xi măng trên diện tích 8,1m^2 do xây dựng cơi nới thêm là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ đã viện dẫn ở trên.

- Đối với yêu cầu về hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở:

Căn nhà hộ bà Đinh Thị N đang sử dụng là nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Do đó, hộ bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ chi phí di chuyển chỗ ở theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 27 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở mới:

Diện tích đất bà N đang sử dụng bị thu hồi bao gồm phần diện tích nhà đất 48,5m^2 thuộc thửa 14, tờ bản đồ số 18 thuộc sở hữu Nhà nước (có nguồn gốc là thuộc dãy nhà, đất khu vật tư cũ "lô K", thuộc sở hữu Nhà nước, chưa có quyết định hóa giá của cơ quan chức năng có thẩm quyền) và phần diện tích 954,3m^2 do gia đình bà N tự lấn chiếm, cơi nới sử dụng thêm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (án có hiệu lực pháp luật) đã bác đơn khởi kiện của bà N về yêu cầu được bồi thường diện tích đất thu hồi 1.045,1m^2. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 22 quy định về điều kiện giao đất tái định cư và điều kiện giao đất ở mới ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thì bà N không đủ điều kiện để giao đất tái định cư hoặc giao đất ở mới.

Ngoài ra, hộ bà N đã được UBND huyện C giao 300m^2 đất ở tại Thông báo số 148/TB.UB ngày 25/10/1996. Bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tặng cho con trai bà N một phần; phần còn lại hiện nay, bà N và gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng. Như vậy, hộ bà N không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nên không đủ điều kiện được bố trí tái định cư quy định tại Điều 79, điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ.

Do đó, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UB có nội dung không bố trí tái định cư khi thu hồi đất cho hộ bà N là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đối với yêu cầu về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:

Khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: "Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:…"

Phần diện tích đất bà N đang sử dụng bị thu hồi bao gồm phần diện tích nhà đất 48,5m^2 thuộc sở hữu Nhà nước và phần diện tích 954,3m^2 do gia đình bà N lấn chiếm, cơi nới sử dụng không đủ điều kiện bồi thường về đất, không thuộc

trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

Do đó, bà N không đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà N đối với nội dung này là có căn cứ.

[2.2.3] Xét yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại

Như đã phân tích ở trên, Quyết định số 1791/QĐ-UBND được ban hành đúng quy định của pháp luật nên ngày 26/8/2020, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định số 936/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và ngày 02/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 894/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà N, cùng với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà N là phù hợp với các quy định pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị N; sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm về tố tụng.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện bà Đinh Thị N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà N theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện bà Đinh Thị N; Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm về tố tụng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N về:

- Hủy một phần Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, phần về diện tích 1045,1m2 đất không được bồi thường tại mục 1.2 phần 1 Điều 1.

- Hủy một phần Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, phần về hỗ trợ hoa màu cây trái

tại mục 3 phần 3 Điều 1; phần về hỗ trợ thuê nhà tại mục 5.1 phần 5 Điều 1; phần về hỗ trợ 60% giá trị đất và 60% giá trị nhà nhà nước tại mục 5.2 phần 5 Điều 1.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N đối với việc:

- Hủy Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất của hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C.

- Hủy một phần Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Sơn C, phần về yêu cầu bồi thường nhà, vật kiến trúc xây dựng trên đất nhà nước (cơi nới): mái tôn, nền xi măng trên diện tích 8,1m² (4,5m x 1,8m) không được bồi thường tại mục 2.1 phần 2 Điều 1; phần về hỗ trợ di dời tại mục 4 phần 4 Điều 1; phần về hỗ trợ tái định cư hoặc giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại mục 5.3 phần 5 Điều 1; yêu cầu hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm.

- Hủy Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với bà Đinh Thị N.

- Hủy Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai đối với bà Đinh Thị N.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đinh Thị N không phải chịu.

4. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu: Hồ sơ (2),VP(3), (NTCL);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hòa Hiệp